

Bản án số: 498/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân;

2. Ông Ngô Hữu Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 1539/11 đường H, phường P, Quận F, Thành phố H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 1539/11 đường H, phường P, Quận F, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Ch qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Thành phố C, tỉnh Đ vào năm 2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì sau đó liên tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Ch thiếu trách nhiệm trong gia đình, không đảm bảo về vấn đề kinh tế và đồng thời do vợ chồng không hiểu nhau, không cùng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống

nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Cả hai ít chia sẻ quan tâm nhau, dần dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn cãi vã kéo dài làm cho hai bên không còn tình cảm với nhau. Mặc dù vợ chồng đã tìm cách để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không thể khắc phục. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Nay ông bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục quan hệ hôn nhân cũng không mang đến hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Ch không có con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Ch vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

- Bà T và ông Ch kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Thành phố C, tỉnh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do hai bên mâu thuẫn cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau về mọi mặt trong cuộc sống; Đồng thời do ông Ch thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ con. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Ch vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thể hiện sự bỏ mặc cuộc hôn nhân, không muốn níu kéo. Vì vậy, yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Ch là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Ch không có con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn Ch và ông Ch đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý

do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Chiến theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn Văn Ch đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông Ch phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[1.4] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Ch tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn vào năm 2019. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyền số 01/2019 đăng ký ngày 11/7/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Thành phố C, tỉnh Đ có đủ cơ sở để xác định bà T và ông Ch là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch của bà Nguyễn Thị Bích T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Văn Ch không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng gia đình, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với bà T. Mặt khác, với những mâu thuẫn do bà Tuyên trình bày thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Ch không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Ch cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà yêu cầu ly hôn với ông Ch là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Ch không có con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích T xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Ch có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 2 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Ch (Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2019, quyển số 01, đăng ký ngày 11/7/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, Thành phố C, tỉnh Đ).

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Ch không có con chung.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013907 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Thu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Luyện